

# RÀ SOÁT CHI TIẾT QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH ĐỐI VỚI HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU, SO SÁNH VỚI CAM KẾT EVFTA

Ông Phạm Thanh Bình  
Chuyên gia Dự án

# TỔNG QUAN PHƯƠNG PHÁP LUẬN

1. *Phân tích* nội dung cam kết liên quan QLCN.
2. *Trích dẫn* các quy định của PLVN về vấn đề liên quan nội dung cam kết.
3. *Đánh giá* mức độ tương thích của PL QLCN với cam kết: Gồm các cách đánh giá: *Hoàn toàn tương thích; Tương thích một phần; Chưa tương thích.*

# TỔNG QUAN PHƯƠNG PHÁP LUẬN.

4. *Đề xuất*. Các cách đề xuất gồm:

- Đối với trường hợp “hoàn toàn tương thích”: Cách đề xuất là Nâng cao hiệu quả thực hiện.
- Đối với trường hợp “tương thích một phần”: Đề xuất hướng sửa đổi các quy định chưa tương thích.
- Đối với trường hợp “chưa tương thích”: Đề xuất hướng sửa đổi.

# THỐNG NHẤT CÁCH HIỂU

1. Quản lý chuyên ngành bao gồm quản lý và kiểm tra chuyên ngành, gọi chung và viết tắt là QLCN.
2. “Customs Procedures” được hiểu là thủ tục thông quan.

ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT CÁC QUY ĐỊNH, THỦ TỤC;  
SO SÁNH VỚI CÁC CAM KẾT EVFTA

# 1. Cam kết hợp tác với các Bên trong QLCN (k.1 Điều 1)

Vấn đề hợp tác quốc tế trong xây dựng quy chuẩn/tiêu chuẩn kỹ thuật, quản lý chất lượng hàng hoá, ATTP, kiểm dịch; thoả thuận công nhận, thừa nhận lẫn nhau...được quy định rất rõ tại các luật QLCN: Điều 8 luật TCQCKT, Điều 6 luật CLSPHH, Điều 4 luật ATTP, Điều 5 luật KDTV, Điều 11 luật Thú y và cụ thể hoá tại các ND, Thông tư.

# Đánh giá

: PL QLCN VN đã *hoàn toàn tương thích* với cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** Việc áp dụng quy định về “công nhận, thừa nhận lẫn nhau” chưa đáng kể do trình độ, công nghệ của VN còn thấp.

Để tạo thuận lợi thương mại, kiến nghị áp dụng giải pháp “chủ động công nhận” như tinh thần NQ 19-2016/NQ-CP.

## 2. Cam kết vừa đảm bảo QLNN, vừa tạo thuận lợi cho thương mại (k.1 Điều 1)

Đánh giá:

Một vấn đề có tính nguyên tắc của QLCN đối với hàng hoá XK, NK là vừa đảm bảo quản lý nhà nước, vừa tạo thuận lợi cho thương mại, bảo vệ người tiêu dùng, nghiêm cấm lợi dụng hoạt động QLCN để cản trở bất hợp pháp, gây phiền hà, sách nhiễu đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tinh thần trên được quy định rõ tại Điều 5, Điều 8 Luật CLSPHH, Điều 9 Luật TCQCKT, Điều 4 Luật Thú y...



# Đánh giá

Còn nhiều quy định chưa thuận lợi cho thương mại:

- Điều 59 NĐ 38/2015/NĐ-CP về thời gian ký quỹ NK phế liệu thép;
- Không thống nhất giữa TT 41/2015/TT-BTNMT và QCVN 31:2010/BTNMT về việc phế liệu thép NK được hay không được ép thành khối, kiện, bánh;

# Đánh giá

- Điều 11 NĐ 60/2014/NĐ-CP về điều kiện người đứng đầu cơ sở NK thiết bị in;
- Nhiều chồng chéo trong các quy định, trong phân công quản lý giữa các Bộ QLCN dẫn đến một mặt hàng bị điều chỉnh bởi nhiều văn bản, phải thực hiện nhiều thủ tục kiểm tra...

**Đánh giá chung** về cam kết vừa đảm bảo QLNN, vừa tạo thuận lợi cho thương mại: Pháp luật QLCN đã *tương thích một phần* với cam kết EVFTA.

# Đề xuất

- Bổ sung quy định chi tiết về các biện pháp tạo thuận lợi cho thương mại.
- Các Bộ QLCN phối hợp rà soát danh mục hàng hoá QLCN để khắc phục tình trạng một mặt hàng chịu sự quản lý của nhiều Bộ, một mặt hàng bị điều chỉnh bởi nhiều luật QLCN.
- 
-

## Đề xuất

- Sửa đổi: Điều 59 NĐ 38/2015/NĐ-CP theo hướng việc ký quỹ được thực hiện ngay sau khi B/L được phát hành hoặc trước khi làm thủ tục hải quan; TT 41/2015/TT-BTNMT theo hướng bỏ quy định “...không được ép thành khối, không được ép thành kiện, bánh”; Điều 11 NĐ 60/2014/NĐ-CP theo hướng các quy định này không áp dụng cho trường hợp cơ sở sản xuất hàng hoá nhập khẩu thiết bị in để in trang trí trên bề mặt sản phẩm.

### 3. Cam kết không phân biệt đối xử trong QLCN (k.2 Điều 1)

#### **Đánh giá:**

Không phân biệt đối xử giữa các nhóm đối tượng là một nguyên tắc được quy định cụ thể tại Điều 5 luật CLSPHH, Điều 6 và Điều 40 Luật TCQCKT.

Tuy nhiên, tại các Điều 34 luật CLSPHH, 38 luật ATTP và các TT 27/2012 về kiểm tra chất lượng, TT 28/2012 về hợp chuẩn, hợp quy của BKHCN, TT 07/2012/TT-BCT về GCN dán nhãn năng lượng lại có những quy định có dấu hiệu của sự phân biệt đối xử.

# Đánh giá

Cụ thể là: Đối với hàng SX trong nước, các chứng chỉ trên có giá trị 3 năm; còn với hàng NK, chứng nhận hợp chuẩn/hợp quy chỉ có giá trị đối với từng người NK, GCN dán nhãn chỉ có giá trị với từng lô hàng. Việc kiểm tra chất lượng, ATTP đối với hàng SX trong nước chỉ áp dụng trong những trường hợp nhất định, còn đối với hàng NK phải kiểm tra với mọi lô hàng.

**Đánh giá chung:** PL QLCN *Tương thích một phần* với cam kết EVFTA.

# Đề xuất

Sửa đổi quy định tại các VBPL trên theo hướng cấp chứng chỉ cho dòng sản phẩm, theo đó, một mặt hàng/mã hàng/model hàng NK chỉ phải chứng nhận/công bố hợp chuẩn/hợp quy, kiểm tra chất lượng/ATTP, thử nghiệm hiệu suất năng lượng đối với lô hàng NK đầu tiên, kết quả có giá trị áp dụng cho tất cả các lô hàng cùng dòng sản phẩm NK sau đó (của tất cả mọi người NK).

## 4. Cam kết áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại (k.2 Điều 1)

Theo Tổ chức Hải quan thế giới (WCO), “phương pháp quản lý hiện đại” được hiểu là phương pháp quản lý dựa trên các trụ cột chính là tổng hợp, phân tích thông tin, quản lý rủi ro và kiểm tra sau thông quan.

**Đánh giá, Đề xuất:** PLVN về QLCN *chưa tương thích* cam kết EVFTA (Đánh giá, đề xuất chi tiết tại Điều 5 và Điều 7).



## 5. Cam kết áp dụng các phương pháp quản lý hiệu quả (k.2 Điều 1)

**Đánh giá:** Nhìn chung, PL QLCN đáp ứng yêu cầu QLNN. Điều này được thể hiện ở toàn bộ nội dung các luật, không phải một vài điều, chỉ xin dẫn chiếu một số quy định đã đem lại hiệu quả rõ rệt, có thể đo lường được:

- TT 33/2014/TT-BNNPTNT: Thủ tục rất ít giấy tờ (2 – 3 loại).
- Văn bản số 1950/BVTV-KD: Không KD bắt buộc với hàng XK (giảm thời gian thông quan 10 ngày).

# Các quy định có hiệu quả.

- TT 52/2015/TT-BYT quy định thủ tục 1 bước trong kiểm tra ATTP, giảm được 1 trong 2 loại thủ tục, 1 trong 2 “cửa”.
- NĐ 21/2012/NĐ-CP và TT 54/2015/TT-BGTVT: Áp dụng khai báo điện tử đối với tàu biển XNC, giảm rất nhiều giấy tờ và thời gian.
- Thủ tục đăng kiểm xe cơ giới NK qua NSW.

# Các quy định hiệu quả hạn chế

- Điều 47, 48 luật TCQCKT về hợp quy thiếu quy định đối với hàng NK dẫn đến việc tất cả người NK đều phải thực hiện thủ tục rất tốn kém này.
- TT28/2012/TT-BKHCHN quy định chứng chỉ hợp quy có giá trị 3 năm dẫn đến 1 sản phẩm đã hợp quy lại phải làm lại.
- Điều 34 luật CLSPHH, Điều 38 luật ATTP, Điều 8 TT07/2012/TT-BCT quy định việc kiểm tra chất lượng, ATTP/GCN dán nhãn NL chỉ có giá trị đối với từng lô hàng dẫn đến lô hàng NK nào cũng phải làm thủ tục kiểm tra.

# Các quy định hiệu quả hạn chế

- Khoản 15 Điều 3 Luật CLSHH định nghĩa kiểm tra nhà nước về CL là việc đánh giá lại kết quả đánh giá của tổ chức đánh giá sự phù hợp dẫn đến thủ tục 2 bước, gây tổn kém cho DN.
- Nghị định 26/2011/NĐ-CP và TT40/2011/TT-BCT quy định việc xác nhận khai báo hoá chất NK vừa không cần thiết, vừa trái với luật Hoá chất, gây tổn kém cho DN.
- Điều 39 luật Năng lượng quy định thủ tục dán nhãn NL 2 bước (thử nghiệm, cấp GCN) là không cần thiết, làm mất nhiều thời gian của DN.

# Các quy định hiệu quả hạn chế

- Điều 7 TT07/2012/TT-BCT chỉ quy định công nhận kết quả “thử nghiệm” của nước ngoài, mà không quy định công nhận “nhãn NL” của nước ngoài theo quy định của luật NL làm cho lượng hàng phải làm thủ tục dán nhãn tăng mạnh.
- Sự chồng chéo về danh mục hàng hoá thuộc diện điều chỉnh của nhiều luật QLCN dẫn đến một mặt hàng phải thực hiện đồng thời nhiều thủ tục QLCN đã gây rất nhiều khó khăn, tốn rất nhiều thời gian và chi phí của DN.
- So sánh chi phí và hiệu quả: Mỗi năm DN cả nước phải chi trả tối thiểu khoảng 1 600 tỷ đồng và 2,5 triệu ngày công để thực hiện thủ tục QLCN, trong khi tỷ lệ các lô hàng không đạt chất lượng quy định chưa bao giờ tới 1%.

# Đánh giá chung

Nhìn chung, PL QLCN hiện hành đã đáp ứng yêu cầu tăng cường QLNN, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ cộng đồng, bảo vệ môi trường, kiểm chế nhập siêu, giữ vững và mở rộng thị trường XK, phòng chống buôn lậu và gian lận thương mại.

Đảm bảo tất cả các lĩnh vực QLCN đều đã có pháp luật điều chỉnh nên, về cơ bản, tránh được sự lúng túng, tùy tiện trong quản lý thực tế; tạo được thuận lợi cho thương mại ở mức độ nhất định. Bên cạnh đó, còn nhiều quy định chưa thuận lợi cho thương mại.

**Đánh giá chung:** PL QLCN *Tương thích một phần* với cam kết EVFTA

# Đề xuất

1. Bổ sung điều 47, 48 luật TCQCKT và sửa TT28/2012/TT-BKHCN theo hướng chỉ phải làm thủ tục chứng nhận, công bố hợp quy một lần đối với lô hàng nhập khẩu đầu tiên.
2. Sửa Điều 34 luật CLSPHH, Điều 38 luật ATTP, TT27/2012/TT-BKHCN và TT của các Bộ QLCN khác theo hướng áp dụng QLRR trong QLCN.
3. Sửa đổi 15 Điều 3 Luật CLSHH định nghĩa “kiểm tra CL” theo hướng thủ tục 1 bước, kết quả giám định có giá trị thông quan hàng hoá.
4. Sửa đổi NĐ 26, TT 40 theo hướng bãi bỏ thủ tục “xác nhận khai báo hoá chất”

# Đề xuất

5. Sửa đổi điều 39 luật NL theo hướng quy định thủ tục 1 bước, kết quả thử nghiệm là căn cứ dán nhãn NL.
6. Sửa đổi TT07/2012/TT-BCT theo hướng bãi bỏ quy định dán nhãn trước khi thông quan, GCN chỉ có giá trị với từng lô hàng.
7. Đề nghị Bộ Công thương sớm hướng dẫn việc “công nhận nhãn năng lượng của phương tiện, thiết bị nhập khẩu”.



# Đề xuất

8. Áp dụng giải pháp chủ động công nhận chất lượng công bố chất lượng của nhà sản xuất, các nhãn hiệu nổi tiếng, chứng nhận chất lượng của nước ngoài.
9. Các Bộ QLCN phối hợp rà soát, sửa đổi danh mục hàng hoá QLCN theo hướng một mặt hàng chỉ chịu điều chỉnh của 1 luật, do một Bộ quản lý, khắc phục tình trạng chồng chéo về danh mục hàng hoá chịu QLCN.

## 6. Tuân thủ “Công ước HS” (Điều 3)

### **Đánh giá:**

PLVN về QLCN đã quy định đầy đủ, rõ ràng hàng hoá thuộc Danh mục hàng hóa cấm XK, cấm NK, Danh mục hàng hóa XK, NK theo giấy phép, Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành, tên hàng phải kèm theo mã số HS: Điều 8 NĐ 187/2013/NĐ-CP, Điều 26 luật HQ, TT41/2015/TT-BCT, QĐ 4758/QĐ-BNN-TY và 5481/QĐ-BNN-CN năm 2015, QĐ 2026/2015/QĐ-TTg, NQ 19/NQ-CP...

**Đánh giá:** PL QLCN đã *hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA.

# Đề xuất

- Còn một số Bộ chưa ban hành đầy đủ mã HS của các mặt hàng thuộc danh mục QLCN của ngành mình, đề nghị sớm thực hiện việc này.
- Đề nghị bỏ mã “loại khác” trong các danh mục QLCN.
- Các Bộ thường xuyên cập nhật mã HS theo các quy định mới nhất của BTC.

## 7. Rà soát, sửa đổi các quy định, thủ tục (k.2 Điều 3)

Vấn đề thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định, thủ tục được quy định tại Điều 170 luật ban hành VBQPPL, Điều 19, 35 luật TCQCKT, Điều 25 luật KDTV, Điều 8 Nghị định 187/2013/NĐ-CP, TT 52/2015/TT-BYT thay thế QĐ 23/2007/QĐ-BYT, TT 41/2015/TT-BCT thay thế TT08/2012/TT-BCT...

**Đánh giá:** PL QLCN đã *hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** Không có đề xuất sửa đổi, bổ sung nào.

## 8. Giải phóng hàng nhanh (k.1 Điều 4)

**Đánh giá:** PL QLCN (TT12/2015/TT-BNNPTNT, TT 52/2015/TT-BYT...) và PLHQ đều có quy định cụ thể về thời gian thông quan theo hướng hàng hoá sẽ được giải phóng sớm nhất có thể (ngay sau khi hồ sơ được nộp đầy đủ hoặc ngay sau khi có kết quả thí nghiệm). Ngoài ra, Chính phủ đã 3 năm liên có Nghị quyết về vấn đề này (các NQ 19-2014/NQ-CP, 19-2015/NQ-CP, 19-2016/NQ-CP). Mục tiêu mà Nghị quyết Chính Phủ đặt ra bám sát cam kết về thời gian thông quan hàng hoá tại các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như TPP, EVFTA.

**Đánh giá chung:** Pháp luật QLCN đã *hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA. Tuy nhiên, trên thực tế thời gian thực hiện thủ tục QLCN còn khá dài (13 – 19 ngày).

**Đề xuất:-** Không có đề xuất sửa đổi, bổ sung nào.

- Đề nghị nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện.

## 9. Nộp tờ khai điện tử (k.2 Điều 4)

Việc áp dụng phương thức khai điện tử được quy định tại nhiều văn bản, đơn cử: Các Điều 7, 8, 33 NĐ08/2015/NĐ-CP (NSW), TT 89/2016/TTLT-BCT-BTC, TT 52/2015/TT-BYT...

Tuy nhiên, việc áp dụng trên thực tế chưa nhiều.

**Đánh giá:** PL QLCN đã đáp *hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** - Không có đề xuất sửa đổi, bổ sung.

- Đề nghị các Bộ QLCN tích cực hơn trong áp dụng thực tế.

## 10. Nộp và xử lý tờ khai trước khi hàng đến (k.2 Điều 4)

Điều 25 Luật HQ quy định người khai được nộp tờ khai trước khi hàng đến, tờ khai có giá trị trong 15 ngày. Về nguyên tắc, TK HQ phải kèm các chứng từ liên quan, trong đó có chứng từ QLCN. Vì vậy, quy định này cũng được hiểu là áp dụng cho cả QLCN. Trong lĩnh vực QLCN, việc nộp tờ khai trước khi hàng đến cũng đã thành thông lệ, nhưng mới chỉ có BYT có quy định chính thức bằng văn bản tại điều 8 TT 52/2015/TT-BYT.

**Đánh giá:** PL QLCN đã *hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** Các Bộ QLCN cần quy định chính thức.

## 11. Đơn giản hoá thủ tục (k.1 Điều 5)

Thủ tục đơn giản là thủ tục phải ít bước, ít giấy tờ, cách thức nộp hồ sơ, nhận kết quả thuận tiện nhất, qua ít bộ phận xử lý nhất, thời gian nhanh nhất, chi phí thấp nhất...



# Đánh giá

:- Về hồ sơ: Chỉ có một số rất ít văn bản quy định hồ sơ đơn giản, như chỉ có 1 loại giấy (Điều 16 Thông tư 12/2012/TT-BNNPTNT) hoặc 2 - 3 loại giấy (Điều 6 Thông tư 33/2014/TT-BNNPTNT), còn đa số các văn bản quy định rất nhiều giấy tờ thường là từ 7 – 10 loại (Điều 6 Thông tư 27/2012/TT – BKHCN, Điều 8 Thông tư 07/2012/TT-BCT...).

# Đánh giá

- Về hình thức giấy tờ: Nhiều văn bản (Điều 6 Thông tư 27/2012/TT – BKHCN, Điều 9 Thông tư 28/2013/TT-BCT, Điều 8 Thông tư 07/2012/TT-BCT, khoản 3 Điều 16 Thông tư 48/2011/TT-BCT, Điều 7 Thông tư 52/2015/TT-BYT...) quy định phải nộp bản sao chứng thực, bản sao công chứng, gồm cả các loại giấy tờ không thể chứng thực hay công chứng được như các chứng từ thương mại giao dịch bằng điện tử, không có chữ ký, con dấu sống (vận tải đơn, bản kê chi tiết, hợp đồng...).
- Về cách nộp hồ sơ: Đa số là thủ công: nộp trực tiếp hoặc qua đường Bưu điện.

# Đánh giá

- Về thủ tục: Nhìn chung là chưa đơn giản: thủ tục hợp quy không theo mặt hàng, mà theo chủ hàng dẫn tới rất nhiều người làm thủ tục hợp quy cho 1 mặt hàng; sau khi đã hợp quy, mỗi lô hàng NK lại phải tiếp tục làm thủ tục giám định, kiểm tra gồm 2 giai đoạn, 7 bước, do 2 cơ quan/tổ chức tiến hành (TT 27/2012/TT-BKH-CN). Trong đó, riêng cơ quan QLNN về chất lượng DN phải tới 3 lần, ở ba thời điểm khác nhau.

# Đánh giá

- Về thời gian:

Trừ thời gian KDTV tương đối ngắn (1 – 2 ngày) và trường hợp được kiểm tra giảm – rất hiếm (2 ngày theo k.2 Điều 8 TTT52/2015/TT-BYT, 3 ngày theo k.2 Điều 8 TT 27/2012/TT-BKHCN), còn thời gian KTCL, ATTP, hiệu suất NL đều rất dài, chưa kể thời gian công bố hợp quy (7 đến 30 ngày theo Điều 4 NĐ 38/2012/NĐ-CP, thực tế còn dài hơn).

# Đánh giá

**Đánh giá chung:** Rất khó có thể khẳng định dứt khoát về mức độ đơn giản của thủ tục QLCN hiện hành đã tương thích hay chưa tương thích cam kết tại Hiệp định. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào mục tiêu của cam kết này là tạo thuận lợi cho thương mại và những gì diễn ra trong thực tế áp dụng các quy định trên thì có thể nói thủ tục QLCN đối với hàng hoá XK, NK hiện nay *chưa tương thích* cam kết EVFTA.

# Đề xuất

Đề nghị sửa đổi các quy định theo hướng:

- Giảm mạnh chủng loại, số lượng giấy tờ, đặc biệt là đề nghị bãi bỏ các loại giấy tờ không chứa đựng thông tin về chất lượng hàng hoá, như B/L, invoice, packing list ...(từ thực tiễn tốt của TT33/2014/TT-BNNPTNT.)
- Giảm mạnh thời gian theo y/c của NQ 19.
- Áp dụng thủ tục điện tử để đơn giản hoá thủ tục.
- Hạn chế tới mức tối thiểu yêu cầu công chứng, chứng thực giấy tờ.
- Hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng một việc do nhiều đơn vị thực hiện thông qua việc tăng cường áp dụng miễn, giảm kiểm tra chất lượng theo quy định tại k.4 Điều 27 luật CLSPHH ((từ thực tiễn tốt của TT52/2015/TT-BYT).

## 12.Thủ tục rõ ràng (k.1 Điều 5)

Thủ tục rõ ràng phải là thủ tục có quy định cụ thể về các công việc mà các bên liên quan phải làm, trình tự thực hiện; chủng loại, số lượng các giấy tờ và hình thức giấy tờ phải nộp/xuất trình; địa chỉ tiếp nhận và giải quyết công việc; thời gian hoàn thành và nhận kết quả; phí phải trả; và nhất là phải xuất phát từ quy định của luật nội dung.

# Đánh giá: Các quy định rõ ràng

Đối chiếu nội dung trên với các quy định tại k.1 Điều 35 Luật CLSPHH và Điều 8 TT 27/2012/TT – BKHCN về trình tự, thủ tục KTCL, các Điều 4, 5, 5 NĐ 38/2012/NĐ-CP về thủ tục hợp quy, các Điều 7, 8 TT 52/2015/TT-BYT và TT 12/2015/TT-BNNPTNT về hồ sơ, trình tự thủ tục kiểm tra ATTP... thì, nhìn chung, PL QLCN đã đáp ứng yêu cầu rõ ràng của Hiệp định.

Tuy nhiên, vẫn còn một số quy định có thể xem là chưa thật rõ ràng, thể hiện ở ít nhất là 02 dạng: Mâu thuẫn giữa các quy định và Không rõ về các bước, thời hạn...



# Đánh giá: Các quy định chưa rõ ràng

- Thông tư 37/2015/TT-BCT về giới hạn hàm lượng formaldehyt và amin thơm trên sản phẩm dệt may: Không có căn cứ pháp luật.
- TT 15/2014/TT-BTTTT về danh mục QLCN của Bộ TTTT: Có hàng trăm mã hàng không thuộc trách nhiệm Bộ TTTT.
- Quy định về “thử nghiệm” tại TT 48/2011/TT-BCT không đúng với luật CLSPHH (Điều 27 luật quy định chỉ thử nghiệm “khi cần thiết”, TT 48 bỏ cụm từ “khi cần thiết”, nghĩa là mọi trường hợp đều phải thử nghiệm).
-

# Đánh giá: Các quy định chưa rõ ràng

- Về thời điểm khai báo hoá chất nhập khẩu, thủ tục xác nhận khai báo hoá chất nhập khẩu, về chế độ báo cáo việc nhập khẩu hoá chất quy định tại Nghị định 26/2011/NĐ-CP và TT 40/2011/TT-BCT đều là những quy định không phù hợp quy định của Luật Hoá chất.
- Quy định Biên phòng kiểm tra, giám sát hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại TT 09/2016/TT-BQP không phù hợp LHQ và chức năng BP.
- Các quy định về thủ tục “đánh giá chứng nhận” cấp GCN dán nhãn NL tại TT 07/2012/TT-BCT là không rõ ràng, không phù hợp quy định của luật.

# Đánh giá: Các quy định chưa rõ ràng

- Điều 3 Nghị định 38/2012/NĐ quy định về “công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm” là không phù hợp luật ATTP (luật không có quy định này).
- Không thống nhất giữa QCVN 31:2010/BTNMT và TT 41/2015/TT-BTNMT về thép phế liệu được NK.
- Mã hàng “loại khác” trong các Danh mục hàng hoá QLCN là không rõ ràng, dễ giải thích tùy tiện.

**Đánh giá chung:** PL QLCN hiện hành *tương thích một phần* cam kết EVFTA.

# Đề xuất

- Đề nghị bãi bỏ quy định tại k.2 Điều 3 NĐ 38/2012/NĐ-CP về công bố phù hợp ATTP.
- Đề nghị sửa đổi Danh mục hàng hoá tại TT 15/2014/TT-BTTTT theo hướng loại bỏ tất cả các mã hàng nằm ngoài 5 loại hàng được giao cho Bộ TTTT tại NĐ 187/2013.
- Đề nghị sửa đổi Điều 12 TT 09/2016/TT-BQP theo hướng bãi bỏ việc bộ đội BP kiểm tra, giám sát hồ sơ và hàng hoá XNK.
- Đề nghị sửa đổi Phụ lục 1 TT 41/2015/TT-BTNMT theo hướng không hạn chế việc phế liệu thép NK đóng thành bánh, khối, kiện để tối ưu hoá việc vận chuyển, giảm chi phí vận tải.

# Đề xuất

- Đề nghị Bộ Công thương:
  - + Sửa đổi k.4 Điều 21 TT 48/2011/TT-BCT theo hướng bổ sung cụm từ “khi cần thiết” để đúng quy định của luật CLSPHH.
  - + Sửa đổi các quy định chưa rõ ràng của TT07/2012/TT-BCT, bổ sung hướng dẫn “công nhận nhãn năng lượng của phương tiện, thiết bị nhập khẩu” theo quy định tại khoản 4 Điều 39 luật Năng lượng.
- Đề nghị các Bộ loại bỏ mã “loại khác” trong danh mục hàng hoá QLCN.

## 13. Áp dụng thủ tục một chứng từ hành chính (k.2 Điều 5)

Như đã đánh giá tại khoản 1 Điều 5, thủ tục QLCN hiện nay chủ yếu là thủ công, với rất nhiều giấy tờ.

**Đánh giá:** Thủ tục QLCN hiện hành *chưa tương thích* cam kết EVFTA.

## 14. Áp dụng chế độ kiểm tra sau thông quan trong QLCN (k.3 Điều 5)

Pháp luật QLCN trong tất cả các các lĩnh vực chưa quy định áp dụng chế độ quản lý này.

**Đánh giá:** PL QLCN hiện hành *chưa tương thích* cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** Phân loại hàng hoá thuộc diện phải KTCN để quy định chỉ một số loại phải kiểm tra trước khi thông quan (kiểm dịch, kiểm tra ATTP đối với thực phẩm tươi sống), còn các loại khác việc kiểm tra sẽ thực hiện sau khi hàng hoá đã được thông quan (kiểm tra tại khâu lưu thông, tại khâu SX...). Đây cũng là định hướng của NQ 19/NQ-CP.

## 15. Ứng dụng công nghệ thông tin, trao đổi dữ liệu điện tử (k. 2 và 4 Điều 5)

Vấn đề ứng dụng CNTT, trao đổi dữ liệu đã được quy định tại NĐ 08/2015/NĐ-CP (Điều 7 và 8) về NSW, QĐ 48/2011/QĐ-TTg về thí điểm NSW, NĐ21/2012/NĐ (điều 62 và 63) về thủ tục tàu biển. NQ 19/NQ-CP cũng quy định rõ vấn đề này.

Đến nay đã có 10 Bộ tham gia NSW với 36/100 thủ tục QLCN; thủ tục tàu biển hiện nay đã hoàn toàn điện tử hoá.

**Đánh giá:** Về quy định, PL QLCN đã *hoàn toàn tương thích* cam kết này. Tuy nhiên, việc thực hiện còn hạn chế.

**Đề xuất:** Chính phủ ban hành QĐ áp dụng chính thức NSW, bổ sung các tổ chức giám định, thử nghiệm phục vụ QLCN là đối tượng tham gia.



## 16. Phối hợp các lực lượng tạo thuận lợi cho chuyển tải, quá cảnh (Điều 6)

Vấn đề này được quy định tại luật HQ (điều 35), NĐ 08/2015/NĐ-CP (điều 33), NĐ 21/2012/NĐ-CP (các điều 59, 61, 63, 88, 89), luật KDTV (điều 7), luật Thú y (điều 8). Tất cả các văn bản trên đều quy định các lực lượng chức năng tại cửa khẩu phải phối hợp chặt chẽ với nhau để đảm bảo QLNN và tạo thuận lợi cho XK, NK, XC, NC, quá cảnh, chuyển tải.

**Đánh giá:** PL QLCN đã *hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA.

## 17. Áp dụng quản lý rủi ro (Điều 7)

Tại khoản này, các Bên cam kết áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro, tập trung kiểm tra những lô hàng trọng điểm, không áp dụng biện pháp kiểm tra từng lô hàng.

PL hiện hành chưa quy định áp dụng QLRR trong QLCN, việc kiểm tra được áp dụng cho mọi lô hàng (điều 34 luật CLSPHH, điều 38 luật ATTP, tất cả các TT của các Bộ QLCN).

**Đánh giá:** PL QLCN *chưa tương thích* cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** Sửa đổi điều 34 luật CLSPHH, điều 38 luật ATTP, bổ sung các luật QLCN khác theo hướng áp dụng nguyên tắc QLRR trong kiểm tra CN.

Định hướng này được ghi rõ tại NQ 19-2016: “Thay đổi căn bản phương thức quản lý, kiểm tra chuyên ngành, thực hiện nguyên tắc quản lý trên cơ sở đánh giá rủi ro...”

## 18. Công khai, minh bạch (Điều 8)

Nội dung cam kết liên quan QLCN ở đây là cung cấp, đăng tải trên website các văn bản pháp luật về QLCN; duy trì đầu mối tiếp nhận, trả lời các vấn đề về PL QLCN.

Việc đăng tải VB QPPL (bao gồm cả PL QLCN) trên công báo đã được quy định tại điều 150 luật ban hành VB QPPL. Ngoài ra, Hiện nay, tất cả các Bộ, các Cục QLCN đều có Website, ở đó đăng tải tất cả các VB PL QLCN, tiếp nhận, hướng dẫn, giải đáp tất cả các vấn đề được hỏi.

**Đánh giá:** Pháp luật QLCN đã *hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA.

## 19. Phí và lệ phí hợp lý (k.1 Điều 10)

Cam kết ở đây là mức lệ phí, phí không được vượt quá chi phí dịch vụ bỏ ra và không được tính theo trị giá .

Vấn đề này được quy định tại k.15 Điều 12, k.4 Điều 14, Điều 37 luật CLSPHH; k.2, k.3 Điều 9 TT 27/2012/TT-BKHCN, k.2 Điều 1 TT231/2009/TT- BTC...

TT 223/2012/TT-BTC quy định phí kiểm định CL thuốc bảo vệ thực vật NK, kiểm tra VSATTP nông sản XNK được tính theo tỷ lệ % trị giá lô hàng (có giới hạn tối thiểu, tối đa).

# Đánh giá

- Mức lệ phí được quy định cụ thể 150.000 – 300.000 là tương đối thấp, cách tính phù hợp EVFTA.
- Mức phí thử nghiệm, giám định, chứng nhận hợp chuẩn/hợp quy, phí KDTV lô hàng lớn được coi là khá cao, người chi trả khó biết được có tương xứng với dịch vụ không. Cá biệt vẫn còn quy định tính phí theo trị giá.

**Đánh giá chung:** Về cơ bản, quy định về lệ phí, phí trong lĩnh vực QLCN đã tương thích cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** - Sửa đổi cách tính phí kiểm định thuốc BVTV, phí kiểm tra VSATTP nông sản XNK.

- Sửa đổi cách tính phí KDTV theo hướng quy định mức trần tối đa.

## 20. Không yêu cầu hợp pháp hoá lãnh sự các chứng từ thương mại (k.2 Điều 10)

Nhìn chung, các VBPL QLCN không có yêu cầu này, trừ Điều 5 (hồ sơ công bố hợp quy), Điều 6 (hồ sơ công bố phù hợp ATTP) NĐ 38/2012/NĐ-CP.

**Đánh giá:** PL QLCN đã *hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** Sửa đổi quy định tại Điều 5, Điều 6 NĐ 38 theo hướng bãi bỏ quy định hợp pháp hoá lãnh sự một số chứng từ.

## 21. Công khai về phí, lệ phí (k.3 Điều 5)

, Cam kết liên quan QLCN ở đây là các quy định về lệ phí, phí QLCN phải được công bố trên phương tiện truyền thông, trên các website chính thức. Thông tin về lệ phí, phí bao gồm lý do thu, cơ quan thu, mức thu, thời gian và cách thức nộp.

Vấn đề này được quy định tại Điều 150 luật ban hành VBQPPL; Điều 6 (Người nộp), Điều 7 (Tổ chức), Điều 8 và 9 (Nguyên tắc xác định mức thu), Điều 14 (Trách nhiệm của tổ chức thu) Luật Phí và Lệ phí; Điều 12, 14, 19, 37 luật CLSPHH; Điều 46, 49, 56 luật TCQCKT; Điều 46, 48 luật ATTP; Điều 12 luật KDTV; Điều 12 luật Thú y; TT 223/2012/TT-BTC.

# Đánh giá, Đề xuất

**Đánh giá:** Pháp luật Việt Nam nói chung, PL QLCN nói riêng đã *hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** Không đề xuất sửa đổi, bổ sung.



## 22. Sửa đổi phí, lệ phí (k.4 Điều 10)

Cam kết ở đây là các thay đổi về lệ phí, phí chỉ được áp dụng sau khi đã được công bố công khai.

**Điều 151 luật ban hành VBQPPL** quy định thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày ký. Quy định về lệ phí và phí được ban hành bằng hình thức thông tư BTC nên cũng được điều chỉnh bởi Điều 151 trên.

**Đánh giá:** Pháp luật Việt Nam đã *hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** Không đề xuất sửa đổi, bổ sung.

## 23. Không áp dụng chế độ kiểm tra hàng NK trước khi xếp lên tàu (k.1 Điều 13).

Nội dung cam kết liên quan QLCN ở đây là không được áp dụng chế độ kiểm tra phẩm chất, khối lượng hàng hoá NK tại bến đi.

**Đánh giá:** PL QLCN hiện hành đã *hoàn toàn tương thích* EVFTA, không có quy định nào về việc hàng NK phải được kiểm tra phẩm chất, khối lượng tại bến đi.

**Đề xuất:** Không đề xuất sửa đổi quy định nào.

## 24. Công ty tư nhân không tham gia kiểm tra hàng hoá nhập khẩu (k.1 Điều 13)

Theo quy định tại các k.9 và 15 Điều 3, k.5 Điều 25, tiết b k.2 Điều 25 Luật CLSPHH; k.5 Điều 3 luật TCQCKT; k.2 Điều 4 TT37/2015/TT-BCT; Điều 3 Thông tư 52/2015/TT-BYT...thì không hạn chế việc công ty tư nhân tham gia giám định, kiểm tra phục vụ QLNN, miễn là đáp ứng các điều kiện quy định và được chỉ định.

# Đánh giá, Đề xuất

**Đánh giá:** PLQLCN *chưa tương thích* cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** Sửa đổi quy định tại k.9 và k.15 Điều 3, k.2 Điều 25 luật CLSPHH, k.5 Điều 3 Luật TCQCKT, Điều 3 TT 52/2015/TT-BYT theo hướng quy định KTNN đối với hàng hoá NK tại bến đến do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện.

## 25. Thủ tục khiếu nại (Điều 14)

Tại Điều này, mỗi Bên cam kết đảm bảo quy định của PL về thủ tục khiếu nại đối với các quy định, quyết định của các cơ quan QLCN ảnh hưởng tới hoạt động NK, XK, QC có thể thực hiện được một cách hiệu quả, nhanh chóng, dễ dàng, không phân biệt đối xử.

Vấn đề này được quy định tại k.2 và k.5 Điều 2, k.1 Điều 3, các điều 4, 5, 7, 12 luật KN; các điều 11, 64, 65 luật CLSPHH; Điều 47 luật KDTV. Riêng luật ATTP không quy định thêm về vđ này.

**Đánh giá:** *PL QLCN đã hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** Để đảm bảo thống nhất và đồng bộ giữa các VBPL, đề nghị: Bổ sung vđ này vào luật ATTP; hoặc bãi bỏ vđ này tại các luật QLCN khác.

## 26. Tham vấn, đăng tải... VBPL (Điều 15)

Các cam kết tại Điều 15 liên quan đến QLCN gồm: Các cơ quan QLCN phải thiết lập cơ chế tham vấn ý kiến DN về các dự án PL và thủ tục QLCN; đăng tải công khai các quy định mới, những sửa đổi, những giải thích các quy định đó một thời gian hợp lý trước khi các quy định này có hiệu lực; lắng nghe các nhu cầu của DN, tiếp thu những thực tiễn tốt, hạn chế đến mức thấp nhất các cấm đoán trong hoạt động thương mại.

# Đánh giá

- Các vấn đề đăng tải công khai văn bản mới; thời gian hiệu lực; các giải thích, hướng dẫn văn bản pháp luật... đã được phân tích, đánh giá ở các cam kết trên.
- Về tham vấn DN: website của các Bộ đều có trang đăng tải các dự án pháp luật để tất cả những người quan tâm góp ý. Thời gian lấy ý kiến thường kéo dài nhiều tháng. Riêng luật TCQCKT có quy định khá chi tiết về này tại các điều 17, 32. Hội thảo lấy ý kiến cũng là hình thức thường được dùng trong xây dựng PL.

**Đánh giá:** Pháp luật QLCN đã *hoàn toàn tương thích* cam kết EVFTA.

**Đề xuất:** Không có đề xuất sửa đổi nào.

# Tổng hợp, Phân loại các mức tương thích của PL QLCN với Cam kết EVFTA

Tổng số các Cam kết liên quan QCN: 26 nội dung, liên quan 11/16 điều của Chương V EVFTA.

Trong đó:

- *Hoàn toàn tương thích: 16 Cam kết.*
- *Tương thích một phần: 04 Cam kết.*
- *Chưa tương thích: 06 Cam kết.*



# XIN CẢM ƠN

## **Trung tâm WTO và Hội nhập**

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)

Add: Số 09 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

T : +84 4 35771458      F: +84 4 35771459

E: [banthuky@trungtamwto.vn](mailto:banthuky@trungtamwto.vn)

W: [trungtamwto.vn](http://trungtamwto.vn) | [wtocenter.vn](http://wtocenter.vn)  
[chongbanphagia.vn](http://chongbanphagia.vn) | [antidumping.vn](http://antidumping.vn)

Fb: [facebook.com/trungtamwtovahoinhap](https://facebook.com/trungtamwtovahoinhap)